

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định về dán nhãn năng lượng
đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư liên tịch quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống (sau đây viết tắt là xe) được sản xuất, lắp ráp từ linh kiện rời, hoàn toàn mới hoặc nhập khẩu chưa qua sử dụng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Xe được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sử dụng trực tiếp vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Xe tạm nhập tái xuất; xe quá cảnh, chuyên khẩu; xe của ngoại giao, lãnh sự;

c) Xe có kết cấu, công nghệ mới mà hiện tại việc thử nghiệm trong nước chưa thực hiện được;

- d) Xe nhập khẩu đơn chiếc, không vì mục đích kinh doanh xe;
- đ) Xe nhập khẩu theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ;
- e) Xe không sử dụng nhiên liệu là xăng, điêzen, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí tự nhiên (NG).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh xe, kiểm tra, thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu và chứng nhận dán nhãn năng lượng xe.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ quy định tại Thông tư này được hiểu như sau:

1. *Nhãn năng lượng của xe (sau đây viết tắt là nhãn năng lượng)* là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại nhiên liệu sử dụng, mức tiêu thụ nhiên liệu của xe đã được kiểm tra, chứng nhận hoặc đăng ký tự công bố giúp người tiêu dùng nhận biết và lựa chọn xe tiết kiệm nhiên liệu.

2. *Mức tiêu thụ năng lượng của xe (mức tiêu thụ nhiên liệu)* là lượng nhiên liệu tiêu hao của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử nghiệm xác định. Đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu là lít (l)/100 ki lô mét (km) (đối với nhiên liệu là xăng, LPG và điêzen) hoặc mét khối (m³)/100 ki lô mét (km) (đối với nhiên liệu là NG).

3. *Chứng nhận dán nhãn năng lượng của xe* là chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu làm căn cứ để thực hiện dán nhãn năng lượng.

4. *Xe ô tô con* được định nghĩa tại Mục 3.1.1 Tiêu chuẩn Việt Nam - Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng - TCVN 7271: 2003.

5. *Kiểu loại xe* được định nghĩa tại các văn bản sau đây:

a) Mục 1.3.6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới - QCVN 05:2009/BGTVT do Bộ Giao thông vận tải ban hành (sau đây viết tắt là QCVN 05:2009/BGTVT);

b) Mục 3.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7792:2007 - Phương tiện giao thông đường bộ - Khí thải CO₂ và tiêu thụ nhiên liệu của ô tô con lắp động cơ đốt trong - Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (sau đây viết tắt là TCVN 7792:2007);

c) Mục 3.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9854:2013 - Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô con - Giới hạn tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp xác định do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (sau đây viết tắt là TCVN 9854:2013).

6. *Cơ quan quản lý chất lượng* (sau đây viết tắt là cơ quan QLCL) là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

7. *Cơ sở sản xuất, lắp ráp* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp (sau đây viết tắt là SXLR) xe từ linh kiện rời, hoàn toàn mới đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. *Cơ sở nhập khẩu* là tổ chức thực hiện việc nhập khẩu (sau đây viết tắt là NK) xe.

9. *Cơ sở kinh doanh xe* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc bán, phân phối xe ra thị trường.

10. *Cơ sở thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu xe (sau đây viết tắt là cơ sở thử nghiệm)* là cơ sở thử nghiệm chuyên ngành được cơ quan có thẩm quyền trong nước hoặc ngoài nước cấp phép hoạt động thử nghiệm, có lĩnh vực hoạt động phù hợp và được Cục Đăng kiểm Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương xem xét và chỉ định theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 4. Quy định chung về dán nhãn năng lượng

1. Các loại xe thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này phải được dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường.

2. Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu được cấp cho kiểu loại xe, là căn cứ thực hiện việc dán nhãn năng lượng cho tất cả các xe cùng kiểu loại.

3. Việc thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu xe được thực hiện độc lập hoặc kết hợp với thử nghiệm khí thải.

4. Kiểu loại xe trước khi dán nhãn năng lượng phải được thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu. Báo cáo kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu (sau đây viết tắt là báo cáo thử nghiệm) do cơ sở thử nghiệm cấp phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với kiểu loại xe đăng ký;

b) Phương pháp thử, chu trình thử phù hợp với quy định tại Thông tư này;

c) Nội dung báo cáo thử nghiệm của cơ sở thử nghiệm trong nước được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Báo cáo thử nghiệm do cơ sở thử nghiệm ngoài nước cấp phải có các thông tin quy định tại các điểm từ điểm 1.1 đến điểm 1.5 Mục 1 và các điểm nêu tại Mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chứng nhận dán nhãn năng lượng của xe có thể thực hiện độc lập hoặc tiến hành đồng thời với chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là ATK&BVMT) quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng ATK&BVMT trong SXLR xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT) và Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng ATK&BVMT xe cơ giới NK (sau đây viết tắt là Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT).

6. Khuyến khích các cơ sở SXLR, NK thực hiện việc đăng ký kiểm tra, chứng nhận hoặc đăng ký tự công bố mức tiêu thụ nhiên liệu và dán nhãn năng lượng đối



với các loại xe ô tô không thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục đăng ký, tự công bố mức tiêu thụ nhiên liệu và dán nhãn năng lượng

1. Cơ sở SXLR, NK được đăng ký tự công bố mức tiêu thụ nhiên liệu và dán nhãn năng lượng trong các trường hợp sau:

a) Kiểu loại xe SXLR đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

b) Kiểu loại xe NK đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

c) Xe NK đã thử nghiệm tại cơ sở thử nghiệm nước ngoài; Báo cáo thử nghiệm thể hiện phương pháp thử, chu trình thử khác với quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Thủ tục đăng ký tự công bố mức tiêu thụ nhiên liệu và dán nhãn năng lượng:

a) Cơ sở SXLR, NK lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới cơ quan QLCL, gồm:

- Bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tài liệu chứng minh mức tiêu thụ nhiên liệu đăng ký tự công bố.

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan QLCL xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử về hồ sơ đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện dán nhãn năng lượng.

Chương II.

**QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN
MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU**

Điều 6. Căn cứ để chỉ định cơ sở thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu

1. Có chứng chỉ ISO/IEC 17025 hoặc đã được công nhận theo tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thử nghiệm Việt Nam (VILAS) hoặc được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau là Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận quốc tế (ILAC) và Hiệp hội các phòng thử nghiệm được công nhận Châu Á - Thái Bình Dương (APLAC).

2. Có thiết bị thử nghiệm, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và đủ độ chính xác để thực hiện việc thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu được quy định tại một trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn sau: QCVN 95:2009/BGTVT; TCVN 7792:2007; TCVN 9854:2013 hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương đương.

Điều 7. Yêu cầu về phương pháp đo tiêu thụ nhiên liệu và xác định mức tiêu thụ nhiên liệu

1. Yêu cầu về phương pháp đo mức tiêu thụ nhiên liệu được thực hiện theo một trong các phương pháp nêu trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn sau:



4

a) QCVN 05:2009/BGTVT;

b) TCVN 7792:2007;

c) TCVN 9854:2013;

d) Phương pháp đo khác tương đương với các phương pháp quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này.

2. Cách lấy kết quả mức tiêu thụ nhiên liệu được thực hiện theo một trong phương pháp sau:

a) Phương pháp tính toán cân bằng cacbon từ kết quả đo khí thải được quy định tại Mục 5.3 TCVN 9854:2013 hoặc Mục B.1.4.2 Phụ lục B TCVN 7792:2007;

b) Phương pháp đo tiêu thụ nhiên liệu trực tiếp quy định tại Mục 5.1. TCVN 9854:2013.

3. Xử lý kết quả đo mức tiêu thụ nhiên liệu:

a) Cơ sở thử nghiệm xử lý kết quả đo để xác định mức tiêu thụ nhiên liệu theo quy định tại Mục 5.4 TCVN 9854:2013.

b) Trường hợp giá trị của lần thử thứ nhất hoặc giá trị trung bình cộng của lần thử thứ nhất và lần thử thứ hai lớn hơn mức tiêu thụ nhiên liệu đăng ký của cơ sở SXLR, NK quá 04% và nếu cơ sở SXLR, NK chấp thuận bằng văn bản thì các giá trị tương ứng trên có thể được lấy làm mức tiêu thụ nhiên liệu được xác nhận.

c) Trường hợp cơ sở SXLR, NK không đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu tại bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, thì mức tiêu thụ nhiên liệu được xác nhận là giá trị trung bình cộng của 03 lần thử của cơ sở thử nghiệm.

Điều 8. Thủ tục đăng ký kiểm tra, chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe sản xuất, lắp ráp

1. Hồ sơ gồm:

a) Một bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Một bản chính báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu do cơ sở thử nghiệm cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Cơ sở SXLR gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới cơ quan QLCL.

b) Cơ quan QLCL kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ: nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của xe SXLR (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này) cho kiểu loại xe đăng ký để cơ sở SXLR làm căn cứ thực hiện việc dán nhãn năng lượng; nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì gửi thông báo các nội dung không đạt cho cơ sở SXLR để khắc phục.

3. Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của xe SXLR có giá trị trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày cấp và được xem xét cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận: Thủ tục như cấp mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: cơ sở SXLR có văn bản đề nghị; cơ quan QLCL xem xét, cấp lại giấy chứng nhận theo đúng hồ sơ lưu trữ trong thời gian 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ lưu trữ thể hiện giấy chứng nhận đã hết hạn thì có thông báo cho cơ sở SXLR để làm thủ tục cấp mới theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 9. Thủ tục đăng ký kiểm tra, chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe nhập khẩu

1. Hồ sơ gồm:

a) Một bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Một bản chính báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu do cơ sở thử nghiệm cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp thử nghiệm trong nước; hoặc bản sao báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu do cơ sở thử nghiệm nước ngoài cấp có xác nhận của cơ sở nhập khẩu; hoặc tài liệu chứng minh mức tiêu thụ nhiên liệu, được cấp trong thời hạn không quá 03 năm.

Miễn cung cấp tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với các xe nhập khẩu có cùng kiểu loại với kiểu loại xe đã được kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu còn hiệu lực.

2. Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Cơ sở NK gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới cơ quan QLCL.

b) Cơ quan QLCL kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ: nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của xe NK (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) cho kiểu loại xe đăng ký để cơ sở NK làm căn cứ thực hiện việc dán nhãn năng lượng; nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì gửi thông báo các nội dung không đạt cho cơ sở NK để khắc phục.

3. Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của xe NK có giá trị trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày cấp và được xem xét cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn ghi trên giấy chứng nhận: Thủ tục như cấp mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này.

b) Bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: cơ sở NK có văn bản đề nghị; cơ quan QLCL xem xét, cấp lại giấy chứng nhận theo đúng hồ sơ lưu trữ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; trường hợp hồ sơ lưu

trữ thể hiện giấy chứng nhận đã hết hạn thì có thông báo cho cơ sở NK để làm thủ tục cấp mới theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Điều kiện mở rộng chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe

Điều kiện để được mở rộng chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe được thực hiện theo quy định tại Mục 6 TCVN 7792:2007.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 11. Mẫu nhãn năng lượng

Nhãn năng lượng được sử dụng theo mẫu thống nhất, bao gồm:

1. Mẫu nhãn năng lượng do cơ quan QLCL cấp giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu nhãn năng lượng do cơ sở SXLR, NK đăng ký tự công bố quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Dán nhãn năng lượng

1. Cơ sở SXLR, NK tự in nhãn năng lượng theo mẫu quy định tại Điều 11 Thông tư này. Các thông tin và mức tiêu thụ nhiên liệu in trên nhãn phải phù hợp với Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu hoặc bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe (đối với trường hợp tự công bố) và dán trên tất cả các xe cùng kiểu loại trước khi đưa ra thị trường.

2. Vị trí dán nhãn năng lượng

Nhãn năng lượng phải được dán bên trong xe, phía người lái, ở cửa kính bên cố định phía sau hoặc kính chắn gió phía sau, tại vị trí dễ quan sát nhìn từ bên ngoài xe. Nhãn năng lượng phải được duy trì trên xe cho tới khi xe được bàn giao đến tay người tiêu dùng.

Điều 13. Công bố thông tin về mức tiêu thụ nhiên liệu

1. Hình thức công bố thông tin

Thông tin liên quan đến mức tiêu thụ nhiên liệu của xe phải được công bố theo các hình thức sau:

a) Nhãn năng lượng được dán trên xe tại nơi trưng bày, bán xe.

b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật kèm theo xe.

c) Trang thông tin điện tử của cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe (nếu có).

d) Trang thông tin điện tử của cơ quan QLCL.

2. Nội dung thông tin công bố

Các thông tin tối thiểu sau đây phải được thể hiện:

a) Thông tin về cơ sở SXLR, NK bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax.

b) Các thông tin cơ bản về xe: tên, nhãn hiệu, số loại, xuất xứ, các thông số kỹ thuật và các thông tin khác.

c) Thông tin về mức tiêu thụ nhiên liệu phù hợp với giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu hoặc đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu (trong trường hợp tự công bố).

3. Thông tin công bố phải được duy trì trong suốt thời gian cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe cung cấp kiểu loại xe đó ra thị trường.

Điều 14. Đình chỉ việc dán nhãn năng lượng và thu hồi giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu

1. Cơ quan QLCL quyết định đình chỉ dán nhãn năng lượng và đưa thông tin lên Trang Thông tin điện tử của cơ quan QLCL khi cơ sở SXLR, NK, kinh doanh xe vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Dán nhãn năng lượng giả.

b) Dán nhãn năng lượng khi chưa được cấp Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu hoặc Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đã hết hiệu lực, Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu bị tẩy xóa.

c) Nhãn năng lượng không đúng nội dung, quy cách theo quy định của Thông tư này hoặc thể hiện sai mức tiêu thụ nhiên liệu được ghi trong Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu hoặc bản đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu đối với trường hợp nhãn năng lượng tự công bố.

2. Cơ quan QLCL quyết định thu hồi Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu và đưa thông tin lên trang thông tin điện tử của cơ quan QLCL khi cơ sở SXLR, NK, kinh doanh xe vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Có gian dối trong hồ sơ đăng ký kiểm tra, chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu.

b) Bị đình chỉ dán nhãn năng lượng đến lần thứ 02 theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải

1. Chỉ định cơ sở thử nghiệm đủ điều kiện thực hiện việc thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu theo quy định tại khoản 10 Điều 3 và Điều 6 của Thông tư này.

2. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký, kiểm tra, chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu và dán nhãn năng lượng cho kiểu loại xe theo quy định tại Thông tư này.

3. Công bố, cập nhật danh sách các cơ sở thử nghiệm được Cục Đăng kiểm Việt Nam và Tổng cục Năng lượng xem xét chỉ định theo quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 16 của Thông tư này; công bố thông tin liên quan đến mức tiêu thụ nhiên liệu của các kiểu loại xe đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký tự công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Handwritten signature

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc đăng ký kiểm tra, chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu xe.

5. Tổ chức kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện dán nhãn năng lượng, thử nghiệm đo tiêu thụ nhiên liệu.

6. Tổng hợp kết quả thực hiện công tác kiểm tra dán nhãn năng lượng xe, định kỳ báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công Thương vào trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

Điều 16. Trách nhiệm của Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương

1. Chỉ định cơ sở thử nghiệm đủ điều kiện thực hiện việc thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu theo quy định tại khoản 10 Điều 3 và Điều 6 của Thông tư này.

2. Công bố và cập nhật danh sách các cơ sở thử nghiệm được Tổng cục Năng lượng xem xét chỉ định theo quy định tại khoản 1 Điều này trên Trang Thông tin điện tử của Tổng cục Năng lượng, đồng thời thông báo cho cơ quan QLCL.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở SXLR, NK và kinh doanh xe

1. Thực hiện việc dán nhãn năng lượng cho xe theo quy định của Thông tư này trước khi đưa ra thị trường.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho cơ quan QLCL.

3. Kịp thời báo cáo cơ quan QLCL các thay đổi ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe và thực hiện đăng ký chứng nhận lại theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

4. Thực hiện đầy đủ yêu cầu về việc công bố thông tin theo quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

5. Cơ sở SXLR, NK thực hiện báo cáo định kỳ gửi về cơ quan QLCL trước ngày 15 tháng 01 hàng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cơ sở SXLR có trách nhiệm duy trì điều kiện sản xuất để các xe sản xuất hàng loạt phù hợp với kiểu loại xe đã được chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu.

Điều 18. Phí và lệ phí

Phí và lệ phí liên quan đến việc kiểm tra, chứng nhận dán nhãn năng lượng được thu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2014.

2. Lộ trình áp dụng dán nhãn năng lượng:

a) Đối với kiểu loại xe SXLR, NK mới: Áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

b) Các trường hợp được đăng ký tự công bố mức tiêu hao nhiên liệu và dán nhãn năng lượng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này: Áp dụng từ 01 tháng 01 năm 2015 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Trung tâm, phòng thử nghiệm khí thải đang thực hiện việc thử nghiệm khí thải theo QCVN 05:2009/BGTVT từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 được kết hợp thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu của xe và phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 6 của Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Trường hợp các văn bản, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dẫn chiếu trong Thông tư này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

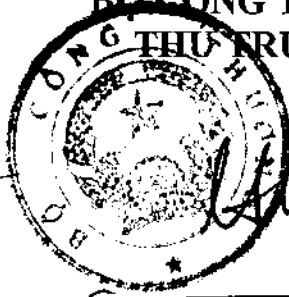
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để trao đổi, thống nhất với Bộ Công Thương xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG



Lê Đình Thọ

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG THƯƠNG
THỦ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- Ủy ban KH-CN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Trang Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT Bộ GTVT, VT Bộ Công Thương.

Phụ lục I

Mẫu - BẢN ĐĂNG KÝ MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng .. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BẢN ĐĂNG KÝ MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Tên và địa chỉ cơ sở SXLR/NK:

.....

2. Xe

2.1. Loại xe:.....

2.2. Nhãn hiệu:.....

2.3. Số loại:.....

2.4. Kiểu động cơ:.....Loại:.....

2.5. Loại nhiên liệu:.....

2.6. Khối lượng bản thân:

2.7. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế :

2.8. Số người cho phép chở, kể cả người lái:

3. Đăng ký mức tiêu thụ nhiên liệu (nếu có):

Phương pháp thử:

	Mức tiêu thụ nhiên liệu	Đơn vị	Giá trị
Chu trình thử	Chu trình đô thị cơ bản (Trong đô thị)	l/100 km; m ³ /100 km	
	Chu trình đô thị phụ (Ngoài đô thị)	l/100 km; m ³ /100 km	
	Chu trình tổ hợp (Kết hợp)	l/100 km; m ³ /100 km	

4. Ghi chú (nếu có):

.....

.....

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cơ sở sản xuất, lắp ráp/ nhập khẩu

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

Mẫu - BÁO CÁO THỬ NGHIỆM MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng .. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

1. Xe

- 1.1. Loại xe:.....
- 1.2. Nhân hiệu:.....
- 1.3. Số loại:.....
- 1.4. Kiểu động cơ:.....Loại:.....
- 1.5. Tên và địa chỉ Cơ sở SXLR/NK:
.....

- 1.6. Khối lượng bản thân:
- 1.7. Khối lượng chuẩn xe:
- 1.8. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế:
- 1.9. Số người cho phép chở, kể cả người lái:.....
- 1.10. Truyền động
- 1.10.1. Truyền động: điều khiển bằng tay hoặc tự động hoặc vô cấp:⁽¹⁾⁽²⁾
- 1.10.2. Số lượng tỷ số truyền:
- 1.10.3. Tỷ số truyền:

Tỷ số truyền hộp số	Tỷ số truyền cuối cùng	Tỷ số truyền toàn bộ
Lớn nhất đối với truyền động biến đổi liên tục CVT ^(*)		
1		
2		
3		
4, 5, số khác		
Nhỏ nhất đối với CVT ^(*)		
Số lùi		

- 1.10.4. Tỷ số truyền cuối cùng:.....
- 1.10.5. Lớp:
 - Ký hiệu cỡ lốp:.....
 - Áp suất lốp:.....kPa
 - Chu vi vòng lăn động lực học:.....mm
- 1.10.6. Bánh chủ động: trước, sau, 4 x 4⁽¹⁾
- 1.11. Xe mẫu để thử nghiệm: Mô tả xe bao gồm ảnh chụp kèm theo.
- 1.12. Số kỳ làm việc của động cơ: bốn kỳ/ hai kỳ⁽¹⁾
- 1.13. Thể tích làm việc:.....cm³
- 1.14. Hệ thống cung cấp nhiên liệu
- 1.14.1. Bằng bộ chế hoà khí: Có/Không⁽¹⁾
 - Nhân hiệu:.....

- Kiểu:
Hoặc

1.14.2. Bảng hệ thống phun nhiên liệu: Có/Không⁽¹⁾

- Nhãn hiệu:

- Kiểu:

- Mô tả chung:

1.14.3. Nhiên liệu thử nghiệm, bao gồm thông số về đặc tính nhiên liệu :

1.14.4. Phương pháp chỉnh đặt băng thử (nêu các mục, phụ lục áp dụng của TCVN 6785 hoặc quy định ECE hoặc chỉ thị EC/EEC tương đương).

1.15. Tốc độ không tải nhỏ nhất của động cơ:.....r/min

1.16. Tốc độ động cơ tại công suất lớn nhất⁽³⁾ :.....r/min

1.17. Công suất lớn nhất:kW

2. Kiểm tra tiêu thụ nhiên liệu:

2.1. Công bố của Cơ sở sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu về tiêu thụ nhiên liệu.

2.2. Kết quả kiểm tra:

Hạng mục		Đơn vị	Kết quả đo
CO ^(**)		g/km	
HC ^(**)		g/km	
HC + NO ^(**)		g/km	
CO ₂ ^(**)		g/km	
Quãng đường chạy ^(**)		km	
Nhiên liệu tiêu thụ ^(**)		l	
Tiêu thụ nhiên liệu	Chu trình đô thị cơ bản (Trong đô thị)	l/100 km; m ³ /100 km	
	Chu trình đô thị phụ (Ngoài đô thị)	l/100 km; m ³ /100 km	
	Chu trình tổ hợp (Kết hợp)	l/100 km; m ³ /100 km	

3. Ghi chú:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cơ sở thử nghiệm

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) CVT - Continuously Variable Transmission.

(**) Chỉ áp dụng đối với phương pháp cân bằng cacbon.

(1) Bỏ phần không áp dụng.

(2) Trong trường hợp xe trang bị các hộp số tự động, cần cung cấp tất cả dữ liệu thích hợp.

(3) N/V - Tỷ số trung bình của tốc độ động cơ với tốc độ xe ở số cao nhất.

Phụ lục III
Mẫu - GIẤY CHỨNG NHẬN MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA XE
SẢN XUẤT, LẮP RÁP

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng ..
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (N^o):

GIẤY CHỨNG NHẬN MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU
CỦA XE SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR FUEL CONSUMPTION
OF MANUFACTURED, ASSEMBLED MOTOR VEHICLE

Cấp theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .../.../2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương
Issued according to Joint Circular No. .../2014/TT-BGTVT dated .../.../2014
of Minister of Transport and Minister of Industry and Trade

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số:

Pursuant to the Application Document N^o

Ngày...../...../.....

Date

Căn cứ Báo cáo thử nghiệm số:

Pursuant to the Test Report N^o

Ngày...../...../.....

Date

Giấy chứng nhận ATKKT & BVMT số:

Technical Safety and Environmental Protection Certificate N^o

Ngày...../...../.....

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type):

Nhãn hiệu (Make/Mark):

Số loại (Model code):

Số người cho phép chở, kể cả người lái: (Seating capacity including driver):

Kiểu dáng xe (Body form/style):

Khối lượng bản thân (Kerb weigh):

Công thức bánh xe (Wheel formula):

Kiểu động cơ (Engine model):

Loại (Type):

Kiểu hộp số (Gear box type):

Loại nhiên liệu (Type of fuel):

Chu trình thử nghiệm (Test method):

Mức tiêu thụ nhiên liệu (Fuel consumption):

Chu trình tổ hợp (Combined cycle):

Chu trình đô thị cơ bản (Urban cycle):

Chu trình đô thị phụ (Rural cycle):

Tên, địa chỉ cơ sở SXLR (Name and address of manufacturer):

Tên, địa chỉ xưởng SXLR (Name and address of manufacturer's plant):

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày tháng.....năm

This Certificate is valid until/...../.....

Ghi chú:

Hà Nội, ngày...tháng năm.....(Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Vietnam Register

Phụ lục IV
Mẫu - GIẤY CHỨNG NHẬN MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU
CỦA XE NHẬP KHẨU

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng ..
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

Số (N^o): - 00/20...(*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU
CỦA XE NHẬP KHẨU

CERTIFICATE OF FUEL CONSUMPTION OF IMPORTED MOTOR VEHICLE

*Cấp theo Thông tư liên tịch số ../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày...../.. /2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương*

Thông tin chung (General information)

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số:

Pursuant to the Application Document N^o

Số tờ khai hàng nhập khẩu (Customs declaration N^o):

Cấp lại (nếu có) theo GCN số:

(Re-certificate (if any) based on Certificate No)

Ngày...../...../.....

Date

Ngày (Date)...../...../.....

Ngày (Date)...../...../.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Technical specification)

Loại xe (Vehicle type):

Nhãn hiệu (Make/Mark):

Nước sản xuất (Production country):

Số người cho phép chở, kể cả người lái (Seating capacity including driver):

Kiểu dáng xe (Body form/style):

Khối lượng bản thân (Kerb weigh):

Công thức bánh xe (Wheel formula):

Kiểu động cơ (Engine model):

Kiểu hộp số (Gear box type):

Loại nhiên liệu (Type of fuel):

Chu trình thử nghiệm (Test method):

Mức tiêu thụ nhiên liệu (Fuel consumption):

Chu trình tổ hợp (Combined cycle):

Chu trình đô thị cơ bản (Urban cycle):

Chu trình đô thị phụ (Rural cycle):

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày tháng.....năm/.

This Certificate is valid until

Ghi chú:

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Vietnam Register

Ghi chú: (*) dãy ký tự 00/20.... được hiểu như sau: phần trước dấu gạch chéo (/) thể hiện lần cấp chứng nhận; phần sau dấu gạch chéo(/) thể hiện năm cấp chứng nhận

Phụ lục V
Mẫu - NHÃN NĂNG LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng .. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Nhãn năng lượng sẽ được bố trí và thể hiện các nội dung cơ bản theo mẫu dưới đây:

MỨC TIÊU THỰC NHIÊN LIỆU		
Số CCN:		
Nhãn hiệu	Số loại	
Nhà sản xuất		
Loại nhiên liệu	Chỉ định dầu	
7,2	9,8	5,6
Lít/100km	Lít/100km	Lít/100km
Kết hợp	Trong đô thị	Ngoài đô thị
Ghi chú: mức tiêu thụ nhiên liệu được xác định dựa trên các điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.		

Ghi chú:

Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc

Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 14 cm x 8 cm

Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt

Phông chữ: Times New Roman

Màu chữ và số: Đen

Phụ lục VI
Mẫu - NHÃN NĂNG LƯỢNG TỰ CÔNG BỐ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng .. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Nhãn năng lượng tự công bố của Cơ sở SXLR, NK sẽ được bố trí và thể hiện các nội dung cơ bản theo mẫu dưới đây:

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU		
CƠ SỞ TỰ CÔNG BỐ		
Số ĐK:		
Nhãn hiệu:	Số loại:	
Nhà sản xuất:		
Loại nhiên liệu:	Chu trình thử:	
7,2	9,8	5,6
Lít/100km	Lít/100km	Lít/100km
Kết hợp	Trong đô thị	Ngoài đô thị
Ghi chú: mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.		

Ghi chú:

Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc

Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 14 cm x 8 cm

Nền mẫu nhãn: Màu vàng

Phông chữ: Times New Roman

Màu chữ và số: Đen

Phụ lục VII
Mẫu - BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CƠ SỞ SXLR/NK XE
VỀ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày .. tháng .. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ SXLR, NK

Số:/.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

(Từ ngày.... tháng.....năm đến ngày.... tháng.....năm.....)

Kính gửi:.....

Tên Cơ sở SXLR/NK:.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện (Ông/Bà):.....

Điện thoại:.....

Fax:....., Email:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số .../2011/TT-BGTVT-BCT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cơ sở SXLR/NK xin được báo cáo việc dán nhãn năng lượng cho xe như sau:

Thông tin về kiểu loại xe	Kiểu loại xe			
	1	2	3	---
1. Báo cáo số lượng các kiểu loại xe dán nhãn năng lượng <i>(số liệu theo chu kỳ 12 tháng)</i>				
Loại xe <i>(Vehicle Type)</i>	M1			
Nhãn hiệu <i>(Make/Mark)</i>	MAZDA 3	MAZDA CX 5	KIA Morning	---
Số loại <i>(Model code)</i>				
Kiểu dáng xe <i>(Body form/style)</i>				
Công thức bánh xe <i>(Wheel formula)</i>				
Kiểu động cơ <i>(Engine model)</i>				
Loại động cơ <i>(Engine type)</i>				

Loại nhiên liệu <i>(Type of fuel)</i>					
Kiểu hộp số <i>(Gear box type)</i>					
Khối lượng bản thân <i>(Kerb mass)</i>					
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế <i>(Designed total mass)</i>					
Số người cho phép chở, kể cả người lái <i>(Seating capacity including driver)</i>					
Số lượng nhãn năng lượng đã dùng <i>(No. of labels used)</i>					
Mức TTNL kết hợp <i>(combined)</i>					
Mức TTNL trong đô thị <i>(in urban cycle)</i>					
Mức TTNL ngoài đô thị <i>(in rural cycle)</i>					
Số GCN do Cơ quan QLCL cấp					
Các thay đổi					
Ghi chú					

2. Báo cáo về tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung trong 01 năm của mỗi Cơ sở SXLR và/hoặc NK:

	1	2	3	---	Tổng hợp
Số lượng SXLR và/hoặc NK (chiếc) (3)					$\Sigma (3)$
Mức TTNL được chứng nhận theo chu trình tổ hợp (l/100 km) (4)					
Tổng TTNL (l/100 km) (5) (5) = (3) X (4)					$\Sigma (5)$
TTNL trung bình chung (l/100 km) (6)					$\Sigma (5) / \Sigma (3)$

Người lập bảng báo cáo <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>	Cơ sở <i>(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</i>
--	---